

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/DS-PT

Ngày 06 - 5 - 2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Nâu

Bà Phạm Thị Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử phiên tòa trực tuyến công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 36/2025/TLPT- DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị V, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Quốc N - Thuộc công ty L và cộng sự - Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số E, ngõ B, phố Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn Vũ Thị V

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Do có quan hệ quen biết xã hội nên bà đã cho bà Vũ Thị V vay tiền nhiều lần với tổng số tiền 780.000.000 đồng (bảy trăm tám mươi triệu đồng), cụ thể như sau:

+ Ngày 01/01/2019, bà V vay số tiền 730.000.000 (bảy trăm ba mươi triệu) đồng.

+ Ngày 11/01/2019, bà V vay số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

+ Ngày 14/02/2019, bà V vay số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Các lần vay tiền trên bà V trực tiếp vay, viết và ký “Giấy vay tiền”. Hai bên có thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày nhưng không viết vào giấy vay và không thỏa thuận thời hạn vay. Bà đã giao tiền đầy đủ cho bà V. Sau đó, bà đã nhiều lần yêu cầu bà V trả tiền vay nhưng bà V không trả. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà V trả cho bà số tiền vay gốc 780.000.000 (bảy trăm tám mươi triệu) đồng và tiền lãi của số tiền trên theo mức 10%/năm kể từ ngày 01/3/2019 cho đến ngày xét xử. Đây là khoản tiền riêng của bà, không liên quan đến ông Nguyễn Văn V1 chồng bà nên yêu cầu bà V trả tiền cho riêng bà.

Đối với việc bà V khai khoản tiền viết trong giấy vay ngày 01/01/2019, là do cộng gốc, lãi của các khoản vay ngày 25/6/2018, ngày 07/8/2018, ngày 26/12/2018, tổng cộng gốc là 450.000.000 đồng, lãi 280.000.000 đồng thành số tiền 730.000.000 đồng; các lần viết giấy vay khác là tiền nợ lãi không trả được nên bà V viết giấy vay và khi cho vay bà đã trừ tiền lãi luôn vào tiền vay gốc là không đúng. Đối với số tiền 20.000.000 đồng bà V đã chuyển qua tài khoản trả cho bà năm 2022 thì bà nhất trí trừ số tiền này vào tiền lãi phải trả.

Bị đơn bà Vũ Thị V trình bày: Bà quen biết với bà Nguyễn Thị T, có hỏi vay tiền của bà T để làm ăn, các lần vay cụ thể như sau:

+ Ngày 25/6/2018 bà vay của bà T 105.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Khi vay hai bên thỏa thuận trừ 3.150.000 đồng tương ứng khoản tiền lãi của 10 ngày vào tiền vay gốc, bà được nhận thực tế số tiền là 101.850.000 đồng.

+ Ngày 07/8/2018 bà vay của bà T 330.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Khi vay hai bên thỏa thuận trừ 9.900.000 đồng tương ứng với tiền lãi của 10 ngày vào tiền gốc và bà được nhận thực tế số tiền 320.100.000 đồng.

+ Ngày 26/12/2018 bà vay của bà T 15.000.000 đồng, lãi thỏa thuận 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, không thỏa thuận thời hạn trả. Lần vay này không thỏa thuận trừ tiền lãi, số tiền thực nhận là 15.000.000 đồng.

Ngày 01/01/2019 bà viết và ký giấy vay tiền với số tiền 730.000.000 đồng. Số tiền này bao gồm 450.000.000 đồng gốc của ba lần vay năm 2018 và 280.000.000 đồng tiền lãi. Bà thống nhất với bà T số tiền này bà vay bà T và xác định lãi suất là 3000 đồng/01 triệu/01 ngày.

+ Ngày 11/01/2019 bà vay của bà T 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, không trừ tiền lãi, số tiền thực nhận là 20.000.000 đồng.

+ Ngày 14/02/2019 bà phải trả cho bà T số tiền lãi còn thiếu là 30.000.000 đồng, tuy nhiên do không có tiền trả nên bà đã viết và ký giấy vay số tiền 30.000.000 đồng để trả khoản tiền lãi còn nợ tính đến ngày 14/02/2019. Bà là người viết giấy, không bị ép buộc, lừa dối. Hai bên có thỏa thuận lãi 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày.

+ Ngày 02/6/2019 bà phải trả cho bà T số tiền lãi 15.000.000 đồng, do chưa có tiền trả nên bà đã viết và ký giấy vay tiền với số tiền 15.000.000 đồng để trả cho khoản tiền lãi nợ đến ngày 02/6/2019. Hai bên thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày.

Bà bắt đầu trả tiền lãi cho bà T từ khi bắt đầu vay lần thứ nhất ngày 25/6/2018 cho đến tháng 5 năm 2024 đã trả đầy đủ cho bà T, tuy nhiên không lập văn bản giấy tờ gì. Bà thừa nhận đã viết, ký các giấy vay tiền ngày 01/01/2019, ngày 11/01/2019, ngày 14/02/2019 và không bị ép buộc hay đe dọa, lừa dối. Bà T yêu cầu bà trả tiền gốc theo ba giấy vay trên, bà không đồng ý trả số tiền 730.000.000 đồng ghi trong giấy vay ghi ngày 01/01/2019, còn các khoản tiền ghi trong giấy vay ngày 11/01/2019, ngày 14/02/2019 bà đồng ý. Bà đồng ý trả bà T số tiền gốc là 515.000.000 đồng và tiền lãi từ 01/3/2024 đến ngày xét xử với lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với các lần trả tiền lãi cho bà T do không có chứng cứ nên bà không có ý kiến gì, đồng ý coi như chưa trả. Riêng số tiền 20.000.000 đồng trả ngày 09/11/2022 bà chuyển khoản trả bà V là tiền gốc nên đề nghị xem xét đối trừ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn VI trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị T, ông chỉ biết bà Vũ Thị V là người cùng xã, không có quan hệ họ hàng thân thích. Khi bà T cho bà V vay tiền năm 2018, 2019 ông không biết, đến khi bà T khởi kiện bà V đòi số tiền 780.000.000 đồng ông mới biết việc bà T cho bà V vay tiền. Khoản tiền bà T cho bà V vay là tiền riêng của bà T, không liên quan đến ông, do đó ông không có ý kiến gì. Ông đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong quá trình xét xử, giải quyết vụ án.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 13/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã căn cứ: Điều 385, điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Vũ Thị V phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T tổng số tiền là 1.224.099.200 đồng (Trong đó: Tổng số tiền nợ gốc là 780.000.000 đồng và tổng số tiền nợ lãi là 444.099.200 đồng). Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 24/02/2025, bà Vũ Thị V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do kết luận của Bản án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm cho đương sự không thực hiện được quyền, nghĩa vụ của mình dẫn đến quyền, lợi ích hợp pháp không được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử lại vụ án theo quy định của pháp luật, đề nghị sửa

một phần bản án, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V không rút kháng cáo, bà T không rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà V trình bày: Trong các khoản vay bà T yêu cầu, bà đồng ý với hai khoản vay ngày 11/01/2019 và ngày 14/02/2019. Đối với khoản tiền 730.000.000 đồng tại giấy vay ghi ngày 01/01/2019 bao gồm khoản tiền nợ gốc của ba khoản vay năm 2018 là 450.000.000 đồng, cộng tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày 01/01/2019, mức lãi tính 3.000đ/01 triệu/01 ngày, tổng lãi là 280.000.000 đồng. Bà thừa nhận tổng số tiền gốc bà vay bà T là 515.000.000 đồng đến nay chưa trả, bà đã trả toàn bộ tiền lãi cho bà T theo mức lãi thỏa thuận đến tháng 5 năm 2024, tuy nhiên khi trả lãi chỉ có một lần chuyển khoản có chứng từ giao nộp, còn lại đều không có giấy tờ, chứng cứ nào khác chứng minh. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận bà còn trả được hai lần tiền lãi là 15.000.000 đồng và một lần 350.000 đồng bà không có ý kiến gì. Bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T. Do bà T lấy lãi cao, đã vi phạm pháp luật, quá trình xét xử sơ thẩm không thực hiện giám định chữ ký, chữ viết trong tài liệu bà giao nộp, đã không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của bà nên đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý hành vi vi phạm pháp luật của bà T về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Bà T trình bày: Các khoản tiền bà V vay năm 2018, bà V đã thanh toán trả cho bà xong gốc, lãi, thời điểm thanh toán bà không nhớ. Khoản vay ngày 01/01/2019 không liên quan đến các khoản vay năm 2018 như bà V khai và khi bà V vay đã nói với bà là vay cho cháu gái mua đất. Cả ba khoản vay năm 2019 bà đều giao tiền mặt, bà V đã nhận đủ số tiền 780.000.000 đồng. Bà V khai đã trả toàn bộ tiền lãi đến tháng 5 năm 2024 là không đúng. Bà và bà V có thỏa thuận với nhau tính lãi 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tuy nhiên bà V không trả tiền lãi đúng như thỏa thuận. Bà thừa nhận bà V đã trả tiền lãi được cho bà gồm: một lần chuyển khoản 20.000.000 đồng bà V đã cung cấp tài liệu và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, nay bà xác nhận còn có hai lần trả tiền lãi được bà ghi trong thư bà gửi cho bà V, trong đó có một lần 5.000.000 đồng và một lần 10.000.000 đồng, ngoài ra khi cháu bà cấp cứu, bà đòi thì bà V đưa cho bà được 350.000 đồng. Số tiền bà V đã trả trên bà đồng ý trừ vào tiền lãi cho bà V.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Vũ Thị V trình bày, tranh luận: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm đã không đánh giá đúng tình tiết, chứng cứ, không thực hiện giám định chữ viết của bà T tại các tài liệu do bà V cung cấp, trong đó thể hiện rõ nội dung bà T tính cộng số tiền gốc, lãi của từng khoản vay năm 2018 thành số tiền 730.000.000 đồng để ghi trong giấy vay ngày 01/01/2019, không xem xét việc bà T thừa nhận bà V đã trả được số tiền 43.000.000 đồng tính đến ngày 27/8/2019. Lời khai của bà V, bà T cũng như tài liệu, chứng cứ xác định bà T tính lãi rất cao khi cho bà V vay tiền và bà V đã thanh toán trả hết cho bà T, tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra để xem xét hành vi vi phạm pháp luật của bà T. Do đó đề nghị HĐXX hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho cơ quan cảnh sát điều tra có thẩm quyền để xem xét hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với bà Nguyễn Thị T.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng, đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là: BLTTDS). Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Vũ Thị V, các tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp, đại diện Viện kiểm sát xác định không có căn cứ để huỷ Bản án sơ thẩm theo đề nghị của luật sư và bà Vũ Thị V, đề nghị HĐXX phúc thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Vũ Thị V, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 13/02/2025 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 02/2025/TB-TA ngày 13/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam theo hướng buộc bà V phải trả cho bà T số tiền gốc và lãi là 1.208.749.200 đồng. Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.262.476 đồng. Bà V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, HĐXX căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Bà Vũ Thị V kháng cáo trong thời hạn, thực hiện đúng nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, HĐXX chấp nhận xem xét kháng cáo của bà V theo quy định.

[3]. Xét kháng cáo của bà Vũ Thị V:

[4]. Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Vũ Thị V, trả số tiền vay gốc 780.000.000 đồng gồm các khoản vay: Ngày 01/01/2019 cho vay 730.000.000 đồng; Ngày 11/01/2019 cho vay 20.000.000 đồng; Ngày 14/02/2019 cho vay 30.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi trên số nợ gốc tính theo mức 10%/năm từ ngày 01/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm và đồng ý trừ số tiền bà V đã trả vào tiền lãi. Quá trình xét xử, bà Vũ Thị V xác định tổng số tiền gốc bà vay bà T là 515.000.000 đồng đến nay chưa trả bà T, tiền lãi đã trả hết đến tháng 5 năm 2024 nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, đề nghị huỷ bản án do cấp sơ thẩm không giám định chữ ký, chữ viết của bà T, do bà T có hành vi cho vay lãi nặng nhưng Toà án cấp sơ thẩm không chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra xem xét. Xét lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp, giao nộp thì thấy:

[5]. Đối với khoản tiền vay 20.000.000 đồng ngày 11/01/2019 và khoản tiền vay 30.000.000 đồng ngày 14/02/2019, tại phiên tòa phúc thẩm, bà V thừa nhận có vay hai khoản vay này, giấy vay tiền lập vào hai ngày trên là do bà V viết trên cơ sở tự nguyện, đồng thời bà V cũng thừa nhận chưa thanh toán. Như vậy lời khai của bị đơn phù hợp với lời khai của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp, do đó bà T yêu cầu bà V trả số tiền vay gốc theo hai giấy vay ngày 11/01/2019 và ngày 14/2/2019 đã nêu trên với tổng số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng là hoàn toàn có căn cứ.

[6]. Đối với khoản vay ghi ngày 01/01/2019, số tiền vay 730.000.000 đồng, bà V thừa nhận giấy vay tiền bà T giao nộp là do bà viết, trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên, bà V xác định số tiền trên xuất phát từ các khoản vay của bà V với bà T năm 2018, cụ thể: Lần 1: Ngày 25/6/2018 vay 105.000.000 đồng; lần 2: Ngày 07/8/2018 vay 330.000.000 đồng; lần 3: Ngày 26/12/2018 vay 15.000.000 đồng, tổng cộng ba lần vay là 450.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tính từ ngày vay của mỗi khoản vay đến ngày 01/01/2019 bà T tính số lãi bà V nợ là 280.000.000 đồng, cộng cả gốc và lãi là 730.000.000 đồng, do bà T yêu cầu nên bà đồng ý viết giấy vay nợ bà T số tiền nợ trên. Bà V không đồng ý số nợ gốc theo giấy vay ngày 01/01/2019 mà chỉ chấp nhận số nợ gốc 450.000.000 đồng. Lời khai trên của bà V không được bà T thừa nhận.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà V giao nộp bản phô tô ghi nội dung tổng cộng gốc và lãi (tại bút lục số 59) và xác định do bà T viết, đến nay bà V không nộp lại giấy gốc. Bà T đã được xem tài liệu do bà V giao nộp và thừa nhận đây là giấy do bà viết, tuy nhiên xác định đây là các khoản tiền bà cho bà V vay năm 2018, bà V đã trả xong, không liên quan đến khoản vay ngày 01/01/2019. Xét nội dung tài liệu do bà V nộp thì thấy trong giấy trên không ghi ngày, tháng năm viết giấy, có thể hiện số tiền vay gốc và tiền lãi của từng khoản vay tính từ ngày vay đến ngày 30/01/2019, số đã trả và số nợ còn lại. Mặc dù trong giấy này có ghi các khoản nợ gốc, lãi cộng thành 730.000.000 đồng, nhưng thời gian có nội dung ghi tính đến ngày 30/01/2019, có nội dung ghi “ngày 27/8/2019 đưa 1 triệu, tổng cộng đã đưa được là 43 triệu đồng tổng còn nợ đến ngày hôm nay là 730 triệu đồng”, như vậy thời gian tính này còn sau ngày viết giấy vay ngày 01/01/2019, do đó không có căn cứ nào để xác định các khoản vay ghi trong giấy trên chính là khoản tiền được ghi trong giấy vay ngày 01/01/2019. Ngoài ra, bà V cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Do vậy, căn cứ lời khai, tài liệu chứng cứ do bà T cung cấp có cơ sở xác định ngày 01/01/2019 bà V đã vay bà T số tiền 730.000.000 đồng, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về số tiền này là có căn cứ. Việc bà V trình bày xác định tổng số tiền nợ gốc theo giấy vay này là 450.000.000 đồng là không có căn cứ.

[7]. Về tiền lãi: Bà T và bà V đều khai trong giấy vay không ghi nhưng hai bên có thoả thuận tính lãi là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. Tuy nhiên, nay bà T chỉ yêu cầu bà V trả lãi các khoản tiền vay tính từ ngày 01/3/2019 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm. Bà V đồng ý mức lãi suất 10%/năm nhưng xác định đã trả lãi đến tháng 5 năm 2024, do đó chỉ đồng ý tính lãi từ tháng 5 năm 2024 đến khi xét xử sơ thẩm. Xét thấy, ngoài lời khai trên, bị đơn không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc đã thanh toán hết toàn bộ tiền lãi đến tháng 5 năm 2024. Do đó, bà T yêu cầu bị đơn trả lãi theo mức lãi suất, thời gian như trên, Toà án sơ thẩm đã chấp nhận và tính số tiền lãi là: $(780.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}) \times 5 \text{ năm} 11 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 464.099.200 \text{ đồng}$, HĐXX thấy phù hợp.

[8]. Như vậy, tính tổng số tiền gốc, lãi bà V phải thanh toán trả bà T là $780.000.000 \text{ đồng} + 464.099.200 \text{ đồng} = 1.244.099.200 \text{ đồng}$ là phù hợp, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ.

[9]. Về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Quá trình xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận bà V đã trả 20.000.000 đồng tiền lãi cho bà T, do đó Toà án sơ thẩm đã chấp nhận và trừ số tiền bà V thanh toán cho bà T vào số tiền lãi phải trả là phù hợp.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà T thừa nhận ngoài khoản tiền trên, bị đơn đã trả được thêm được số tiền 15.000.000 đồng tiền lãi và được ghi trong tài liệu bà viết gửi cho bà V yêu cầu trả tiền (bút lục số 60), đồng thời còn có một lần bà V đưa cho bà số tiền 350.000 đồng khi cháu bị bệnh, nay bà T đồng ý trừ số tiền trên vào tiền lãi bà V phải trả. Do bà V xác định toàn bộ số tiền vay gốc chưa trả bà T, không có ý kiến gì đối với lời khai của bà T về số tiền lãi đã thanh toán trên. HĐXX xác định đây là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, cần chấp nhận trừ số tiền 15.350.000 đồng vào tiền lãi bà V phải thanh toán trả bà T, do đó chấp nhận một phần kháng cáo của bà V theo hướng sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm. Số tiền gốc, lãi bà V còn phải thanh toán trả bà T là: 1.244.099.200 đồng – 20.000.000 – 15.350.000 đồng = 1.208.749.200 đồng (trong đó gốc là 780.000.000 đồng, lãi là 428.749.200 đồng).

[10]. Tại phiên toà luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà V và bà V có ý kiến về việc quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Toà án không trung cầu giám định chữ ký, chữ viết trong các tài liệu bà V giao nộp là thiếu sót, vi phạm. HĐXX xét thấy tài liệu bà V giao nộp không phải là tài liệu, chứng cứ gốc chỉ là bản phô tô (bút lục số 59, 60 trong hồ sơ), bà T cũng thừa nhận đó là chữ viết của bà, do đó không cần thiết phải thực hiện việc giám định chữ viết, chữ ký đối với tài liệu bà V giao nộp.

[11]. Luật sư và bà V xác định trong tài liệu bà V giao nộp (Bút lục số 59) còn thể hiện bà T xác nhận bà V đã thanh toán được khoản tiền lãi 43.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T xác định khoản vay năm 2018 bà V đã thanh toán xong và không liên quan đến các khoản vay trong ba giấy viết năm 2019 bà khởi kiện, không phải là tiền lãi đã trả của các khoản vay năm 2019. Do bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ xác định đã thanh toán khoản tiền trên vào tiền lãi của các khoản vay năm 2019, cũng như không có căn cứ xác định được khoản tiền vay ngày 01/01/2019 là các khoản tiền vay năm 2018 cộng dồn thành, do đó không có cơ sở để xác định bà V đã trả số tiền lãi 43.000.000 đồng cho các khoản vay năm 2019.

[12]. Luật sư và bà V xác định bà T có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và yêu cầu HĐXX xem xét huỷ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho cơ quan cảnh sát điều tra xem xét. HĐXX thấy đối với các khoản vay năm 2018, bà T xác định bà V đã thanh toán xong và bà T không yêu cầu giải quyết; khoản tiền cho bà V vay năm 2019 có thoả thuận lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tuy nhiên bà V mới trả được số tiền lãi 35.350.000 đồng. Bà V không giao nộp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã thanh toán toàn bộ tiền lãi cho bà T theo mức lãi thoả thuận đến tháng 5 năm 2024, do đó không có cơ sở xác định bà T có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự để Toà án chuyển hồ sơ cho cơ quan cảnh sát điều tra xem xét. Do vậy, HĐXX không chấp nhận các ý kiến, tranh luận trên của luật sư cũng như bà V.

[13]. Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm thấy Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với số tiền gốc, lãi là có căn cứ theo quy định tại điều 463, điều 465, điều 466; điều 468 Bộ luật dân sự. Quá

trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng, tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ, đảm bảo. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị V về việc huỷ bản án dân sự sơ thẩm, HĐXX sửa một phần bản án đối với phần nghĩa vụ của bị đơn như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên toà.

[14]. Về án phí: Căn cứ điều 147; khoản 2 điều 148 BLTTDS; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do HĐXX sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà Vũ Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm bà V phải chịu và được HĐXX xem xét sửa trên cơ sở nghĩa vụ bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của BLTTDS. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vũ Thị V. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 13/02/2025 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 02/2025/TB-TA ngày 13/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. Căn cứ điều 147; khoản 2 điều 148 BLTTDS; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Vũ Thị V phải trả bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc, lãi là: 1.208.749.200 đồng (một tỷ, hai trăm linh tám triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm đồng). Trong đó: nợ gốc: 780.000.000 đồng (bảy trăm tám mươi triệu đồng); nợ lãi: 428.749.200 đồng (bốn trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm đồng).

3. Về án phí: Bà Vũ Thị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà V phải chịu 48.262.476 đồng (bốn mươi tám triệu, hai trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền 300.000 đồng bà V đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu số 0004652 ngày 24/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm bà V phải chịu.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND, Chi cục THADS cấp sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng